

Số: 1244/BC-SNNMT

Lai Châu, ngày 08 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia vào dự thảo Quyết định về việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Thực hiện nhiệm vụ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Công văn số 1059/UBND-KTN ngày 10/02/2026 về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của địa phương được giao tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội, Nghị định số 49/2026/NĐ-CP và Nghị định số 50/2026/NĐ-CP của Chính phủ và Công văn số 1212/UBND-KTN ngày 23/02/2026 về việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng dự thảo Quyết định về việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Lai Châu và tổ chức lấy ý kiến tham gia, góp ý của các Sở, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các xã, phường tại Văn bản số 1130/SNNMT-ĐDB ngày 03/3/2026.

Đến nay, đã có 23 cơ quan, đơn vị tham gia bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường, trong đó có 10/23 ý kiến nhất trí với dự thảo; 13/23 ý kiến đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung và đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo.

(Có dự Biểu tổng hợp chi tiết kèm theo)

Trên đây là báo cáo kết quả tổng hợp, tiếp thu các ý kiến tham gia vào dự thảo Quyết định về việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Lai Châu của Sở Nông nghiệp và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở (để đăng tải);
- Lưu: VT, ĐDB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Thị Lan Anh

BIỂU TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA DỰ THẢO
(Kèm theo Báo cáo số 1244/BC-SNNMT ngày 08/3/2024 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tên cơ quan, đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
1	Ban Quản lý Khu kinh tế	1. Căn cứ các quy định của Luật Đất đai năm 2024, Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội và nguyên tắc phân cấp bảo đảm phù hợp với năng lực quản lý của cấp chính quyền địa phương, đề nghị lựa chọn Phương án 2 đối với các khoản 30, 31 và 32 Điều 5	Các khoản 30, 31 và 32 Điều 5 lựa chọn phương án 1 <u>Lý do:</u> Lựa chọn phương án 1 đang kế thừa, giữ nguyên theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ, đã được tổng kết, đánh giá qua quá trình thực tiễn trong thời gian qua là phù hợp và thuận tiện trong thực hiện nhiệm vụ tại địa phương.	Văn bản số 401/BQL-NV ngày 05/3/2026
		2. Tại Khoản 2, Điều 7. Tổ chức thực hiện đề nghị bổ sung nội dung “giao Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra định kỳ việc thực hiện phân cấp tại cấp xã”.	Tiếp thu, chỉnh sửa	
2	Thuế tỉnh Lai Châu	- Tại khoản 30 Điều 5 dự thảo: Lựa chọn phương án 2 - Tại khoản 31 Điều 5 dự thảo: Lựa chọn phương án 2 - Tại khoản 32 Điều 5 dự thảo: Lựa chọn phương án 2	Các khoản 30, 31 và 32 Điều 5 lựa chọn phương án 1 (lý do lựa chọn đã được phân tích tại “STT 1” nêu trên).	Văn bản số 412/LCH-CNTK ngày 06/3/2026
3	Sở Tư pháp	1. Dự thảo Quyết định dự kiến quy định về phân cấp thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh cho Ủy ban nhân dân cấp xã và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đang được cơ quan soạn thảo dưới hình thức là văn bản hành chính (căn cứ trên cơ sở hồ sơ xin ý kiến tham gia, hình thức trình bày văn bản). Như vậy là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định: “Việc phân cấp phải được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, cá nhân phân cấp”. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xác định đây là văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quyphạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.	Tiếp thu, chỉnh sửa	Văn bản số 523/STP-XDKT&THPL ngày 08/3/2026
		2. Một số nhiệm vụ dự kiến phân cấp cho chủ tịch UBND cấp xã thực hiện chưa đảm bảo phù hợp theo quy định, cụ thể như sau: - Theo quy định tại các khoản 1 và 5 Điều 123 Luật Đất đai năm 2024 thì:	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. <u>Lý do:</u> (1) Sở Tư pháp đang căn cứ vào khoản 5 Điều 123 Luật Đất đai và khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương để viện dẫn các nội dung phân cấp cho Chủ tịch	

STT	Tên cơ quan, đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		<p>“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) <u>Giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức trong nước;</u></p> <p>b) Giao đất, cho thuê đất đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc;</p> <p>c) Giao đất, cho thuê đất đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;</p> <p>d) Cho thuê đất đối với tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.</p> <p><u>5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều này không được phân cấp, không được ủy quyền.”</u></p> <p>- Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP thì “1. <u>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, chấp thuận về việc thỏa thuận nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án, chấp thuận, phê duyệt phương án sử dụng đất</u>”.</p> <p>Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản này cho phù hợp”.</p> <p>- Theo khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 thì UBND tỉnh có thể phân cấp cho UBND, Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao <u>trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp.</u></p>	<p>UBND cấp xã là không phù hợp. Tuy nhiên, qua nghiên cứu kỹ lưỡng các quy định của pháp luật cụ thể:</p> <p>- Tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ “1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, chấp thuận về việc thỏa thuận nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án, chấp thuận, phê duyệt phương án sử dụng đất.</p> <p>Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản này cho phù hợp.”</p> <p>Như vậy, khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP giao cho UBND tỉnh có thẩm quyền quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản này cho phù hợp. Việc phân cấp như nội dung dự thảo Quyết định đã nêu đảm bảo theo nhiệm vụ được Chính phủ giao theo quy định nêu trên.</p> <p>(2) Theo quy định tại khoản 5 Điều 123 Luật Đất đai quy định như sau: “5. <i>Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều này không được phân cấp, không được ủy quyền.</i>”</p> <p>- Quy định tại khoản 2 Điều 123 quy định cho thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là “Ủy ban nhân dân cấp huyện” và đối tượng quy định tại khoản này là “cá nhân” và “cộng đồng dân cư”, Như vậy, hiện nay theo chính quyền địa phương 02 không còn cấp huyện thì nội dung công việc này nếu không phân</p>	

STT	Tên cơ quan, đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		<p>Như vậy, việc UBND tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND xã thực hiện một số nhiệm vụ như: “Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với cá nhân quy định tại điểm a khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai; quyết định giao đất đối với cộng đồng dân cư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai”(tại khoản 11 Điều 5 của dự thảo); “Quyết định giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Đất đai” (tại khoản 29 Điều 5 của dự thảo); “Quyết định giao đất, cho thuê đất cảng hàng không, sân bay dân dụng đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 208 Luật Đất đai” (tại khoản 35 Điều 5 dự thảo) là không phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 123 Luật Đất đai và khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.</p> <p>3. Một số nhiệm vụ phân cấp không đảm bảo phù hợp, vì những nhiệm vụ này đã được Chính phủ giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện. Ví dụ: Nhiệm vụ “<i>quyết định cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích quy định tại khoản 3 Điều 123 Luật Đất đai</i>” tại khoản 11 Điều 5 của dự thảo; nhiệm vụ “<i>Phê duyệt phương án cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai quy định tại điểm b khoản 6 Điều 108 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP</i>” tại khoản 24 Điều 5 của dự thảo; nhiệm vụ “<i>Tổ chức thực hiện việc quyết định giá đất cụ thể quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP</i>” tại khoản 25 Điều 5 của dự thảo.. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát lại toàn bộ dự thảo để loại bỏ các nhiệm</p>	<p>về cho địa phương là Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện thì không đúng theo tinh thần chỉ đạo của trung ương về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. Nội dung công việc này đưa về cấp tỉnh thực hiện thì thực tế không thể thực hiện được, do đó, nhiệm vụ này theo ý kiến của Sở Tư pháp là chưa phù hợp với thực tiễn nội dung quản lý nhà nước về đất đai (không còn cấp huyện), vì theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP là toàn bộ nội dung về giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất... không phân biệt đối tượng là tổ chức, cá nhân hoặc hình thức sử dụng đất đều là thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh giải quyết.</p> <p>(3) Nghị định số 151/2025/NĐ-CP được Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; đến nay, Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ ban hành sau bãi bỏ một số điều, khoản của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP và giao cho địa phương phân cấp, ủy quyền các nhiệm vụ và chịu trách nhiệm đối với các nội dung được giao, đồng thời đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền theo ý kiến chỉ đạo của Trung ương.</p> <p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.</p> <p><u>Lý do:</u> (1) Đối với ý kiến thứ nhất của Sở Tư pháp về nhiệm vụ phân cấp không đảm bảo phù hợp, vì những nhiệm vụ này đã được Chính phủ giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, cụ thể “<i>quyết định cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích quy định tại khoản 3 Điều 123 Luật Đất đai</i>” tại khoản 11 Điều 5 của dự thảo Quyết định. <u>- Giải trình:</u> Nội dung này theo quy định của khoản 3 Điều 123 Luật Đất đai là thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã; còn nội dung tại khoản 11 Điều 5 của dự thảo Quyết định đang xây dựng “phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã” để đồng bộ với các nhiệm vụ khác trong công tác quản lý</p>	

STT	Tên cơ quan, đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		vụ đã được cơ quan nhà nước cấp trên giao cho UBND cấp xã thực hiện và các nhiệm vụ theo quy định của Luật Đất đai không được phân cấp, ủy quyền.	<p>đất đai tại địa phương và đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền theo ý kiến chỉ đạo của Trung ương.</p> <p>(2) <u>Đối với ý kiến thứ hai</u> của Sở Tư pháp về nhiệm vụ phân cấp không đảm bảo phù hợp, vì những nhiệm vụ này đã được Chính phủ giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, cụ thể “<i>Phê duyệt phương án cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai quy định tại điểm b khoản 6 Điều 108 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP</i>” tại khoản 24 Điều 5 của dự thảo Quyết định.</p> <p><u>- Giải trình:</u></p> <p>Theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 108 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định như sau: “<i>b) Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm lập phương án cưỡng chế trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. Phương án cưỡng chế phải có các nội dung cơ bản sau: mục đích, yêu cầu của việc cưỡng chế; thời gian, địa điểm, tiến độ thực hiện cưỡng chế; phương tiện, công cụ phục vụ, hỗ trợ cưỡng chế; thành phần, lực lượng tham gia cưỡng chế; thành phần phối hợp; kinh phí thực hiện cưỡng chế; phương án bảo quản tài sản di dời khỏi nơi cưỡng chế (nếu có); trách nhiệm thực hiện;</i>”.</p> <p>- Khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, không còn cấp huyện thì nội dung quy định nêu trên đã được quy định tại điểm i khoản 4 Điều 5 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, cụ thể:</p> <p>“<i>4. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, cụ thể như sau:</i></p> <p><i>i) Phê duyệt phương án cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai quy định tại điểm b khoản 6 Điều 108 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.</i>”.</p> <p>- Ngày 31/01/2026 Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2026/NĐ-CP, trong đó tiết đ2 điểm đ khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 49/2026/NĐ-CP đã bãi bỏ Điều 5 của</p>	

STT	Tên cơ quan, đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
			<p>Nghị định số 151/2025/NĐ-CP trong đó có nội dung đã nêu trên. Do đó, cơ quan soạn thảo phân cấp để nhiệm vụ không bị bỏ trống, không có cơ quan thực hiện.</p> <p>(3) Đối với ý kiến thứ ba của Sở Tư pháp về nhiệm vụ phân cấp không đảm bảo phù hợp, vì những nhiệm vụ này đã được Chính phủ giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, cụ thể “<i>Tổ chức thực hiện việc quyết định giá đất cụ thể quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP</i>” tại khoản 25 Điều 5 của dự thảo Quyết định.</p> <p><u>- Giải trình:</u></p> <p>+ Theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP quy định “3. <i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện</i> tổ chức thực hiện việc quyết định giá đất cụ thể theo quy định tại Nghị định này.”</p> <p>+ Khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, không còn cấp huyện thì nội dung quy định nêu trên được quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, cụ thể:</p> <p>“5. <i>Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai chuyển giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, cụ thể như sau:</i></p> <p>a) Tổ chức thực hiện việc quyết định giá đất cụ thể quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP.”.</p> <p>+ Ngày 31/01/2026 Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2026/NĐ-CP trong đó tiết đ2 điểm đ khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 49/2026/NĐ-CP đã bãi bỏ Điều 5 của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP trong đó có nội dung nêu trên. Do đó, cơ quan soạn thảo phân cấp để nhiệm vụ không bị bỏ trống, không có cơ quan thực hiện.</p>	
		<p>4. Đối với nội dung Điều 7</p> <p>Khoản 1 Điều 7 dự thảo Quyết định có nội dung: “<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện các nội dung</i></p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa lược bỏ cụm từ “<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</i>” và cụm từ “<i>phân quyền</i>”.</p>	

STT	Tên cơ quan, đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		<p>tại Điều 4, Điều 5 Quyết định này chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về các nội dung được phân quyền, phân cấp theo quy định”. Việc phân cấp được thực hiện từ cấp trên xuống cấp dưới, như vậy chỉ các cơ quan, cá nhân được phân cấp mới là đối tượng thực hiện và chịu trách nhiệm trước cơ quan cấp trên. Bên cạnh đó, Quyết định của UBND chỉ quy định các nội dung về phân cấp, không quy định về “phân quyền”. <u>Do đó</u>, đề nghị cơ quan soạn thảo lược bỏ cụm từ “<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</i>” và cụm từ “<i>phân quyền</i>” cho chính xác và phù hợp hơn.</p>		
		<p>5. Đối với nội dung Điều 8</p> <p>- Tại khoản 2 Điều 8 dự thảo Quyết định có nội dung: “<i>Ban hành kèm theo Quyết định này Phụ lục Trình tự, thủ tục trong lĩnh vực đất đai theo thẩm quyền được phân cấp tại Điều 5 Quyết định này</i>” đây là nội dung quy định về trình tự, thủ tục trong lĩnh vực đất đai theo thẩm quyền được phân cấp tại Điều 5, do đó đề nghị cơ quan soạn thảo chuyển nội dung này vào sau khoản cuối cùng của Điều 5 cho phù hợp hơn.</p> <p>- Tại khoản 3 Điều 8 dự thảo Quyết định có nội dung: “<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; ...</i>” tương tự như đã phân tích tại điểm b mục 2 văn bản này, đề nghị cơ quan soạn thảo lược bỏ cụm từ “<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</i>” cho phù hợp hơn.</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa và lược bỏ cụm từ “<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</i>”.</p>	
		<p>6. Đối với phụ lục ban hành kèm theo Quyết định</p> <p>Tại khoản 7 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương có quy định: “<i>Trường hợp cần phải thay đổi trình tự, thủ tục, thẩm quyền đang được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên mới thực hiện được việc phân cấp theo quy định tại Điều này thì Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh các quy định đó tại văn bản quy phạm pháp luật về phân cấp do mình ban hành để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp</i>”. Như vậy, nếu trong các nhiệm vụ quý cơ quan dự kiến phân cấp tại dự thảo Quyết định có thủ tục</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa</p>	

STT	Tên cơ quan, đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		hành chính và cần phải thay đổi trình tự, thủ tục, thẩm quyền mới thực hiện được việc phân cấp, thì việc xây dựng Phụ lục để quy định về trình tự thủ tục thực hiện là cần thiết và phù hợp. <u>Tuy nhiên</u> , đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa lại nội dung của Phụ lục theo hướng quy định cụ thể trình tự, thủ tục hành chính để giải quyết các nhiệm vụ cụ thể, quy định tại điều, khoản nào của Quyết định cho rõ ràng, cụ thể để thực hiện trong thực tiễn.		
		7. Đối với trình tự xây dựng và ban hành văn bản Quy phạm pháp luật. Việc phân cấp phải được quy định tại văn bản Quy phạm pháp luật, do đó đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.	Tiếp thu, chỉnh sửa	
4	Sở Nội vụ	1. Tại khoản 3, điều 3 của dự thảo Quyết định có viết: “Điều 3. Nguyên tắc phân cấp trong lĩnh vực đất đai: 3. Bảo đảm phân định rõ thẩm quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; phân định rõ thẩm quyền chung của Ủy ban nhân dân và thẩm quyền riêng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.” Dự thảo Quyết định đang phân cấp một số nhiệm vụ lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh cho UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã, <u>do đó</u> đề nghị đơn vị soạn thảo xác định rõ chủ thể phân cấp trong nguyên tắc trên (cấp tỉnh, cấp xã).	Tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung “cấp xã”	Văn bản số 798/SNV-TCCB ngày 06/3/2026
		2. Tại khoản 1, Điều 7 của dự thảo Quyết định có viết: “Điều 7. Tổ chức thực hiện. 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện các nội dung tại Điều 4, Điều 5 Quyết định này chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về các nội dung được phân quyền, phân cấp theo quy định.” Đề nghị đơn vị soạn thảo xác định lại trách nhiệm	Tiếp thu, chỉnh sửa lược bỏ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”	

STT	Tên cơ quan, đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		tổ chức thực hiện do trong dự thảo Quyết định, tại Điều 4 quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã; Điều 5 quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; dự thảo Quyết định không có nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.		
		<p>3. Căn cứ khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 quy định về phân cấp: “1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc Hội đồng nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật để tăng quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc quản trị đơn vị và cung ứng dịch vụ công, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp”.</p> <p><u>Như vậy</u>, nội dung Sở Nông nghiệp và Môi trường dự thảo tham mưu UBND tỉnh phân cấp cho UBND cấp xã, chủ tịch UBND cấp xã một số nhiệm vụ là phù hợp với quy định về phân cấp.</p>	Tiếp thu	
		<p>4. Đối với nội dung nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp: Do một số nội dung phân cấp liên quan đến các nhiệm vụ chuyên môn phức tạp (như xác định giá đất cụ thể, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, thành lập hội đồng thẩm định giá đất...), đồng thời tại các khoản: 30, 31, 32, Điều 5 của dự thảo Quyết định đang đưa ra các phương án lựa chọn, đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát, đánh giá khả năng thực hiện của cấp xã, lựa chọn phương án cụ thể, bảo đảm phù hợp với</p>	Các khoản 30, 31 và 32 Điều 5 lựa chọn phương án 1 (lý do lựa chọn đã được phân tích tại “STT 1” nêu trên).	

STT	Tên cơ quan, đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		năng lực tổ chức thực hiện, điều kiện thực tế của địa phương và quy định của pháp luật.		
		5. Đối với nguồn nhân lực: Sở Nội vụ đã tham mưu cấp có thẩm quyền giao biên chế năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND các xã, phường. Do vậy, hiện tại UBND các xã, phường cơ bản đảm bảo nguồn nhân lực để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân cấp.	Tiếp thu để hoàn chỉnh dự thảo	
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đề xuất lựa chọn phương án 1 quy định tại khoản 30, 31, 32 Điều 5 dự thảo Quyết định về việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	Tiếp thu, lựa chọn phương án 1	Văn bản số 696/SGDDĐT-KHTC ngày 08/3/2026
6	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Nhất trí		Văn bản số 381/SDTTG-VP ngày 05/3/2026
7	Sở Ngoại vụ	Nhất trí		Văn bản số 465/SNgV-QLBG ngày 05/3/2026
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhất trí		Văn bản số 684/SVHTTDL-VP ngày 05/3/2026
9	Sở Y tế	Nhất trí		Văn bản số 699/SYT-VP ngày 05/3/2026
10	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhất trí		Văn bản số 776/SKHCHN-VP ngày 06/3/2026
11	Sở Công Thương	Nhất trí		Văn bản số 801/SCT-QLNL ngày 05/3/2026
12	Sở Xây dựng	Nhất trí		Văn bản số 920/SXD-QHKT&NO ngày 05/3/2026
13	Sở Tài chính	Nhất trí		Văn bản số 1195/STC-KTN ngày 05/3/2026

STT	Tên cơ quan, đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
14	Xã Tả Lềng	- Khoản 30, Điều 5 của Quyết định chọn phương án 1 - Khoản 31, Điều 5 của Quyết định chọn phương án 2 - Khoản 32, Điều 5 của Quyết định chọn phương án 1	Các khoản 30, 31 và 32 Điều 5 lựa chọn phương án 1 (lý do lựa chọn đã được phân tích tại “STT 1” nêu trên).	Văn bản số 238/UBND-KT ngày 03/3/2026
15	Xã Mường Kim	- Tại khoản 30 Điều 5 dự thảo: Lựa chọn phương án 1 - Tại khoản 31 Điều 5 dự thảo: Lựa chọn phương án 1 - Tại khoản 32 Điều 5 dự thảo: Lựa chọn phương án 1	Các khoản 30, 31 và 32 Điều 5 lựa chọn phương án 1 (lý do lựa chọn đã được phân tích tại “STT 1” nêu trên).	Văn bản số 1111/UBND-KT ngày 05/3/2026
16	Xã Pắc Ta	<p>1. Đối với nội dung quy định tại Điều 4, dự thảo Quyết định: Theo quy định tại Khoản 12, Điều 3, Nghị quyết số 254/2025/NQ-QH ngày 11/12/2025 của Quốc hội: “<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định biện pháp, mức hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác đối với từng dự án cụ thể</i>”. Như vậy, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã đã được quy định rõ trong Nghị quyết số 254/2025/NQ-QH của Quốc hội, do đó, <u>đề xuất bỏ Điều 4 trong dự thảo Quyết định</u>. Để bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thực hiện, hạn chế phát sinh khiếu kiện và tránh cách hiểu khác nhau về thẩm quyền, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi ban hành quy định về biện pháp, mức hỗ trợ khác cần xác định rõ: (i) phạm vi, đối tượng áp dụng; (ii) điều kiện, tiêu chí cụ thể; (iii) mức trần, mức sàn hoặc nguyên tắc xác định mức hỗ trợ; (iv) trách nhiệm của UBND cấp xã trong quá trình quyết định đối với từng dự án. Trường hợp cần thiết, có thể quy định cơ chế báo cáo, kiểm tra, giám sát hoặc thẩm định, chấp thuận trước đối với các trường hợp vượt khung thông thường để Ủy ban nhân dân cấp xã có cơ sở làm căn cứ triển khai thực hiện.</p> <p>2. Đề nghị bỏ quy định tại khoản 6, 7 Điều 5 dự thảo Quyết định. <u>Lý do:</u> Tại khoản 6, Điều 3, Nghị quyết số 254/2025/NQ-QH của Quốc hội đã quy định rõ, giá đất để tính tiền bồi thường về đất quy định tại khoản 2, Điều 91</p>	<p>- Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.</p> <p>- <u>Lý do:</u> (1) Việc quy định hiện tại như Điều 4, dự thảo Quyết định là đảm bảo theo khoản 12, Điều 3, Nghị quyết số 254/2025/NQ-QH ngày 11/12/2025 của Quốc hội. (2) Tại Điều 4, dự thảo Quyết định đang quy định: “<i>Quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác đối với từng dự án cụ thể quy định tại khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai, khoản 7 Điều 12 và khoản 9 Điều 13 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP</i>”. * Theo đó, quy định tại khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai, khoản 7 Điều 12 và khoản 9 Điều 13 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP là quy định đối với “cho từng dự án cụ thể” là đảm bảo theo quy định của khoản 12, Điều 3, Nghị quyết số 254/2025/NQ-QH ngày 11/12/2025 của Quốc hội “12. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định biện pháp, mức hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác đối với từng dự án cụ thể.”. (3) Đồng thời, nội dung xây dựng này đang kế thừa, giữ nguyên theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP (đã được tổng kết, đánh giá qua quá trình thực tiễn trong thời gian qua là phù hợp và thuận tiện trong quá thực hiện nhiệm vụ).</p> <p>(1) Tiếp thu một phần lược bỏ khoản 6, Điều 5 dự thảo Quyết định - <u>Lý do:</u> Việc bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền</p>	Văn bản số 278/UBND-KT ngày 06/3/2026

STT	Tên cơ quan, đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		<p>Luật Đất đai và giá đất tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư quy định tại khoản 3, Điều 111 Luật Đất đai được tính theo giá đất trong bảng giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất; trường hợp bồi thường bằng đất ở tại chỗ mà giá đất tại vị trí được bồi thường chưa có trong bảng giá đất thì UBND cấp xã báo cáo UBND cấp tỉnh trình HĐND tỉnh bổ sung vào bảng giá đất tại kỳ họp gần nhất; do vậy, cấp xã không phải thực hiện nhiệm vụ xác định giá đất cụ thể khi tính tiền bồi thường về đất và tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư.</p>	<p>quyết định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Đất đai. Hiện nay đã được quy định tại khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/NQ-QH ngày 11/12/2025 của Quốc hội</p> <p>“6. Giá đất tính tiền bồi thường về đất quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Đất đai và giá đất tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư quy định tại khoản 3 Điều 111 của Luật Đất đai được tính theo giá đất trong bảng giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Nghị quyết này.</p> <p><i>Trường hợp bồi thường bằng đất ở tại chỗ mà giá đất tại vị trí được bồi thường chưa có trong bảng giá đất thì cơ quan, người có thẩm quyền căn cứ vào giá đất trong bảng giá đất tại vị trí tương tự để quyết định giá đất tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</i></p> <p><i>Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bổ sung vào bảng giá đất tại kỳ họp gần nhất.”.</i></p> <p>(2) Đề nghị giữ nguyên khoản 7, Điều 5 dự thảo Quyết định.</p> <p><u>Lý do:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khoản 7, Điều 5 dự thảo Quyết định đang quy định “7. Quyết định giá bán nhà ở tái định cư trong địa bàn quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Đất đai.”. - Nội dung đang quy định là “giá bán nhà ở tái định cư trong địa bàn”; còn tại khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/NQ-QH ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định là “giá đất tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư”. - Tại khoản 3 Điều 111 của Luật Đất đai quy định “3. Giá đất tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư đối với người được bồi thường về đất ở, người được giao đất ở tái định cư trong trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất ở là giá đất được xác định theo bảng giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. 	

STT	Tên cơ quan, đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
			<p><i>Trường hợp chưa có giá đất trong bảng giá đất thì phải bổ sung bảng giá đất để làm căn cứ tính tiền sử dụng đất cho người được bố trí tái định cư. Người được bố trí tái định cư được ghi nợ nghĩa vụ tài chính về đất đai nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định của Chính phủ.</i></p> <p>Giá bán nhà ở tái định cư trong địa bàn cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định. Trường hợp bố trí nhà ở tái định cư tại đơn vị hành chính cấp huyện khác thì giá bán nhà ở tái định cư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.”.</p> <p>* Do đó, việc quy định như khoản 7, Điều 5 dự thảo Quyết định đang kế thừa, giữ nguyên theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; hiện nay không còn cấp huyện nên nội dung của cấp huyện cũ sẽ chuyển về cho cấp xã thực hiện là đảm bảo theo quy định.</p>	
		<p>3. Đối với các nhiệm vụ về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, chấp thuận về việc thỏa thuận nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án, chấp thuận, phê duyệt phương án sử dụng đất, theo quy định của Luật Đất đai 2024 thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân cấp tỉnh mà đã phân quyền, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại Điều 10, Nghị định số 151/2025/NĐ-CP (tại các khoản 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36 Điều 5 dự thảo Quyết định):</p> <p>Đề nghị giữ nguyên theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, không phân quyền, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.</p> <p><u>Lý do:</u> Thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Công điện số 87/CD-TTg ngày 12/6/2025 tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; phân định thẩm quyền trong các ngành, lĩnh vực.</p> <p>- Ngày 12/6/2025, Chính phủ trong thời gian qua cũng đã ban hành Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.</p> <p>- Do vậy, UBND xã Pắc Ta đề nghị không đẩy mạnh phân cấp cho Chủ tịch UBND xã thực hiện là không đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương và lý do khó khăn tại văn bản nêu ra của xã Pắc Ta là không phù hợp.</p> <p>- Việc phân cấp thẩm quyền đối với các nội dung nêu trên được tổng kết, đánh giá qua quá trình thực tiễn trong thời gian qua là phù hợp và thuận tiện trong thực hiện nhiệm vụ tại địa phương và đồng thời, đang kế thừa, giữ nguyên theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định trước đó.</p>	

STT	Tên cơ quan, đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		<p>4. Đề nghị bổ sung cụm từ “số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ” vào sau cụm từ “Nghị định” và bỏ từ “này” tại dòng thứ 8 Điều 6 dự thảo Quyết định.</p> <p>5. Đề nghị bổ sung từ “phường” sau cụm từ “Ủy ban nhân dân xã” tại khoản 3 Điều 8 dự thảo Quyết định.</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung cụm từ “số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ” vào sau cụm từ “Nghị định” và lược bỏ từ “này” tại dòng thứ 8 Điều 6 dự thảo Quyết định.</p> <p>Tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung từ “phường” sau cụm từ “Ủy ban nhân dân xã” tại khoản 3 Điều 8 dự thảo Quyết định.</p>	
17	Xã Lê Lợi	<p>1. Về sự cần thiết ban hành Quyết định Ủy ban nhân dân xã Lê Lợi cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường về sự cần thiết ban hành Quyết định phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai. Việc ban hành Quyết định là cần thiết nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật Đất đai năm 2024, Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ; đồng thời tạo cơ sở pháp lý để phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về đất đai, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và giải quyết kịp thời các thủ tục liên quan đến đất đai tại địa phương.</p> <p>2. Về nội dung dự thảo Quyết định Qua nghiên cứu nội dung dự thảo Quyết định, UBND xã Lê Lợi nhận thấy các nội dung phân cấp cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền cấp cơ sở. Tuy nhiên, do khối lượng nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai được đề xuất phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã khá nhiều, trong đó có một số nội dung mang tính chất chuyên môn sâu (như xác định giá đất cụ thể, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thành lập hội đồng thẩm định giá đất...), vì vậy để đảm bảo tính khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện, UBND xã Lê Lợi đề nghị: - Cơ quan soạn thảo nghiên cứu rà soát, cân nhắc mức độ phân cấp đối với một số nhiệm vụ có tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn nhằm bảo đảm phù hợp với năng lực tổ chức thực hiện của cấp xã. - Đề nghị có hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục, hồ sơ thực</p>	<p>Tiếp thu để hoàn chỉnh dự thảo</p> <p>Tiếp thu để hoàn chỉnh dự thảo</p>	Văn bản số 379/UBND-KT ngày 05/3/2026

STT	Tên cơ quan, đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		<p>hiện các nội dung được phân cấp để các địa phương thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.</p> <p>- Đề nghị cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp trên tăng cường công tác hướng dẫn nghiệp vụ, tập huấn chuyên môn cho cấp xã trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp trong lĩnh vực đất đai.</p>		
		<p>3. Về lựa chọn phương án tại dự thảo</p> <p>Đối với một số nội dung dự thảo xây dựng theo hai phương án (tại các khoản 30, 31, 32 Điều 5 của dự thảo Quyết định), UBND xã Lê Lợi đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu lựa chọn phương án đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đồng thời bảo đảm tính khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện tại cấp xã.</p>	Các khoản 30, 31 và 32 Điều 5 lựa chọn phương án 1 (lý do lựa chọn đã được phân tích tại “STT 1” nêu trên).	
18	Phường Đoàn Kết	<p>1. Đối với các nhiệm vụ về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, chấp thuận về việc thỏa thuận nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án, chấp thuận, phê duyệt phương án sử dụng đất, theo quy định của Luật Đất đai 2024 thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thì đề xuất phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện (<i>trừ trường hợp giao đất, thu hồi đất, cấp giấy chứng nhận QSD do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý</i>).</p>	Dự thảo Quyết định đã phân cấp thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.	Văn bản số 674/UBND-KTHTĐT ngày 06/3/2026
		<p>2. Đối với các nhiệm vụ về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, chấp thuận về việc thỏa thuận nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án, chấp thuận, phê duyệt phương án sử dụng đất, theo quy định của Luật Đất đai 2024 thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Đề xuất không phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện. Ví dụ như:</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.</p> <p><u>Lý do:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc phân cấp thẩm quyền đối với các nội dung trong dự thảo Quyết định đang kê thừa, giữ nguyên theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP. - Việc phân cấp được tổng kết, đánh giá qua quá trình thực tiễn trong thời gian qua là phù hợp và thuận tiện trong thực hiện nhiệm vụ tại địa phương. - Các khoản 30, 31 và 32 Điều 5 lựa chọn phương án 1 (lý do lựa chọn đã được phân tích tại “STT 1” nêu trên). 	

STT	Tên cơ quan, đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		<p>- Đối với Khoản 28, 30, 31, 32, 33, Điều 5, Dự thảo Quyết định: Luật Đất đai 2024 đã quy định rõ thẩm quyền quyết định thu hồi đất là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Do đó, đề xuất không phân cấp, phân quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thu hồi đất.</p> <p>- Đối với Khoản 29, 34, 35, 36, Điều 5, Dự thảo Quyết định: Đề nghị xây dựng rõ, trường hợp nhiệm vụ nào thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quyết định theo quy định của Luật Đất đai thì đề xuất UBND cấp tỉnh tiếp tục thực hiện; Trường hợp nào thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện Quyết định thì đề xuất UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định.</p>		
19	Xã Bản Bo	<p>1. Đối với Khoản 28, 30, 31, 32, 33, Điều 5, Dự thảo Quyết định: Luật Đất đai 2024 đã quy định rõ thẩm quyền quyết định thu hồi đất là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Do đó, đề xuất không phân cấp, phân quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thu hồi đất.</p> <p>2. Đối với Khoản 29, 34, 35, 36, Điều 5, Dự thảo Quyết định: Đề nghị xây dựng rõ, trường hợp nhiệm vụ nào thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quyết định theo quy định của Luật Đất đai thì đề xuất UBND cấp tỉnh tiếp tục thực hiện; Trường hợp nào thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện Quyết định thì đề xuất UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định.</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.</p> <p><u>Lý do:</u></p> <p>- Việc phân cấp thẩm quyền đối với các nội dung trong dự thảo Quyết định đang kế thừa, giữ nguyên theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.</p> <p>- Việc phân cấp được tổng kết, đánh giá qua quá trình thực tiễn trong thời gian qua là phù hợp và thuận tiện trong thực hiện nhiệm vụ tại địa phương.</p> <p>- Các khoản 30, 31 và 32 Điều 5 lựa chọn phương án 1 (lý do lựa chọn đã được phân tích tại “STT 1” nêu trên).</p> <p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.</p> <p><u>Lý do:</u></p> <p>Việc xây dựng như dự thảo đã quy định chi tiết, cụ thể, đồng thời chỉ ra rõ ràng các nhiệm vụ được phân quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện theo Luật Đất đai gắn với việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực đất đai theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương; đồng thời, được tổng kết, đánh giá qua quá trình thực tiễn trong thời gian qua là phù hợp và thuận tiện trong thực hiện nhiệm vụ tại địa phương và việc xây nội dung phân cấp đang kế thừa, giữ nguyên theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP đã phân cấp, phân quyền trước đó.</p>	Văn bản số 162/UBND-KT ngày 05/3/2026
20	Xã Mù Cà	1. Tại khoản 1 Điều 2 đề nghị chỉnh sửa “ <i>1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường; các sở, ban, ngành</i> ”	Tiếp thu, chỉnh sửa lược bỏ cụm từ “ <i>Ủy ban nhân dân tỉnh</i> ”	Văn bản số 330/UBND-KT ngày

STT	Tên cơ quan, đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		<i>chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan khác có liên quan.”. Sửa thành nội dung: “Ủy ban nhân dân xã, phường; các sở, ban, ngành chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan khác có liên quan”.</i>		06/3/2026
		<p>2. Tại khoản 6, 9 Điều 5</p> <p>“Quyết định giá đất cụ thể quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Đất đai” và “Quyết định giá đất cụ thể đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 160 Luật Đất đai”. Đề nghị sửa thành:</p> <p>“Quyết định giá đất cụ thể quy định tại khoản 2 Điều 91 và điểm b khoản 2 Điều 160 Luật Đất đai”.</p> <p>- <u>Lý do:</u> Hai “khoản” có cùng một nội dung nên gộp lại thành một “khoản”.</p>	<p>Nội dung này đã chỉnh sửa dự thảo</p> <p><u>Lý do:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 6, 9 Điều 5 dự thảo Quyết định đang quy định các nội dung khác nhau. - Ý kiến tham gia có một phần đã tiếp thu ý kiến của UBND xã Pắc Ta, lược bỏ khoản 6, Điều 5 nêu trên. 	
		<p>3. Tại khoản 11 Điều 5 đang quy định: “<i>11. Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với cá nhân quy định tại điểm a khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai; quyết định giao đất đối với cộng đồng dân cư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai; quyết định cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích quy định tại khoản 3 Điều 123 Luật Đất đai; quyết định giao đất nông nghiệp cho cá nhân quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178 Luật Đất đai.</i>”. <u>Đề nghị chỉnh sửa thành:</u></p> <p>“Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với cá nhân quy định tại điểm a khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai; quyết định giao đất đối với cộng đồng dân cư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai; quyết định giao đất nông nghiệp cho cá nhân quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178 Luật Đất đai.”.</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.</p> <p>- <u>Lý do:</u> Việc xây dựng nội dung như trên đang được kế thừa theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều 123 Luật Đất đai “3. Ủy ban nhân dân cấp xã cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn.”. Đồng thời, đang kế thừa, giữ nguyên theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định trước đó đã phân cấp về cho Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện.</p>	
		<p>4.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khoản 30 Điều 5 dự thảo: Lựa chọn phương án 2 - Tại khoản 31 Điều 5 dự thảo: Lựa chọn phương án 2 - Tại khoản 32 Điều 5 dự thảo: Lựa chọn phương án 2 	<p>Các khoản 30, 31 và 32 Điều 5 lựa chọn phương án 1 (lý do lựa chọn đã được phân tích tại “STT 1” nêu trên).</p>	
		<p>5. Tại khoản 1 Điều 6 đề nghị chỉnh sửa thành:</p> <p>“Các cơ quan, người có thẩm quyền đang giải quyết tiếp tục thực hiện theo thẩm quyền quy định của pháp luật trước ngày</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.</p> <p>- <u>Lý do:</u></p> <p>Đã được quy định tại Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của</p>	

STT	Tên cơ quan, đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		Nghị định số 49/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đối với hồ sơ tiếp nhận trước ngày quyết định này có hiệu lực.”.	Chinh phủ.	
		6. Tại khoản 2 Điều 6 đề nghị chỉnh sửa thành: “Đối với hồ sơ tiếp nhận sau ngày quyết định này có hiệu lực thực hiện theo thẩm quyền quy định tại quyết định này.”.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. - <u>Lý do</u> : Đã được quy định tại Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ.	
21	Xã Tân Uyên	1. Tại Điều 4 đề nghị giữ nguyên thẩm quyền để UBND cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác để bảo đảm chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất cho người có đất thu hồi cho từng dự án cụ thể, theo khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai 2024, không phân cấp về cho UBND cấp xã. 2. Tại khoản 8 Điều 5 đề nghị không phân quyền về Chủ tịch UBND cấp xã.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. (1) Nội dung giải trình phân cấp đã được nêu trên (ý kiến thứ 1 của xã Pắc Ta). (2) Đồng thời, nội dung xây dựng này đang kế thừa, giữ nguyên theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP (đã được tổng kết, đánh giá qua quá trình thực tiễn trong thời gian qua là phù hợp và thuận tiện trong quá thực hiện nhiệm vụ). Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. <u>Lý do</u> : - Tại khoản 8 Điều 5 dự thảo Quyết định “8. <i>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 136 và điểm d khoản 2 Điều 142 Luật Đất đai.</i> ”. - Điểm b khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai quy định như sau: “b) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 của Luật này.”. - Điểm d khoản 2 Điều 142 Luật Đất đai quy định như sau: “d) Diện tích đất của tổ chức đã bố trí cho hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của tổ chức làm nhà ở trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì phải bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất để thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật; người sử dụng đất ở được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật...”.	Văn bản số 500/UBND-KT ngày 05/3/2026

STT	Tên cơ quan, đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
			Như vậy, hiện nay theo mô hình chính quyền địa phương 02 (không còn cấp huyện) nội dung cấp GCN nêu trên phân cấp về Chủ tịch UBND cấp xã là đúng quy định và kế thừa, giữ nguyên theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.	
		3. Tại khoản 12 Điều 5 Đề nghị giữ nguyên thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 219 Luật Đất đai.	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo</p> <p>- Việc phân cấp đối với nội dung quy định tại khoản 12 Điều 5 dự thảo Quyết định đảm bảo theo quy định của pháp luật về đất đai khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, cụ thể:</p> <p>- Khoản 12 Điều 5 dự thảo Quyết định quy định: “12. <i>Phê duyệt phương án góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai để thực hiện dự án chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn, mở rộng, nâng cấp đường giao thông nông thôn quy định tại điểm b khoản 3 Điều 219 Luật Đất đai.</i>”.</p> <p>- Điểm b khoản 3 Điều 219 Luật Đất đai quy định như sau: “<i>b) Có phương án góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai được người sử dụng đất thuộc khu vực dự kiến thực hiện đồng thuận và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.</i>”.</p> <p>- Điểm b khoản 2 Điều 219 Luật Đất đai quy định như sau: “<i>b) Thực hiện dự án chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn, mở rộng, nâng cấp đường giao thông nông thôn;</i>”</p> <p>Đồng thời, việc xây dựng đang kế thừa, giữ nguyên theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.</p>	
		4. Tại khoản 13 Điều 5 đề nghị giữ nguyên thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai là UBND cấp tỉnh không phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã.	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.</p> <p><u>Lý do:</u></p> <p>(1) Việc phân cấp đối với nội dung quy định tại khoản 13 Điều 5 dự thảo Quyết định đảm bảo theo quy định của pháp luật về đất đai khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, cụ thể:</p> <p>- Điểm a khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai quy định: “2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao đất, cho thuê đất,</p>	

STT	Tên cơ quan, đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
			<p>cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với cá nhân. Trường hợp cho cá nhân thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ với diện tích từ 0,5 ha trở lên thì phải có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi quyết định.”.</p> <p>Như vậy, thẩm quyền theo quy định nêu trên là của “UBND cấp huyện” và đối tượng là “cá nhân” nên việc phân cấp Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện là đảm bảo quy định.</p> <p>(2) Việc phân cấp đối với nội dung quy định tại khoản 13 Điều 5 dự thảo Quyết định đảm bảo theo quy định của pháp luật về đất đai khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và đang kế thừa, giữ nguyên theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.</p>	
		4. Tại khoản 14 Điều 5 đề nghị không phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã thành lập hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng dự án quy định tại điểm c khoản 2 Điều 86 Luật Đất đai.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo.	
		5. Tại khoản 18 Điều 5 không nhất trí chuyển thẩm quyền về Chủ tịch UBND xã.	<u>Lý do:</u> Thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Công điện số 87/CD-TTg ngày 12/6/2025 tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; phân định thẩm quyền trong các ngành, lĩnh vực.	
		6. Tại khoản 24 Điều 5 đề nghị không phân quyền cho chủ tịch UBND cấp xã.	- Ngày 12/6/2025, Chính phủ trong thời gian qua cũng đã ban hành Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.	
		7. Tại khoản 25 Điều 5 đề nghị không phân quyền cho chủ tịch UBND cấp xã.	- Do vậy, UBND xã Tân Uyên đề xuất không phân cấp, phân quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là không phù hợp.	
		8. Tại khoản 26 Điều 5 đề nghị không phân quyền cho chủ tịch UBND cấp xã.	- Việc phân cấp đối với các nội dung nêu trên được tổng kết, đánh giá thực tiễn trong thời gian qua là phù hợp và thuận tiện trong thực hiện nhiệm vụ tại địa phương và đồng thời, việc xây dựng phân cấp đang kế thừa, giữ nguyên theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.	
		9. Tại khoản 28 Điều 5 đề nghị không phân quyền cho chủ tịch UBND cấp xã.		
		10. Tại khoản 29 Điều 5 đề nghị không phân quyền cho chủ tịch UBND cấp xã.		

STT	Tên cơ quan, đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		11. - Tại khoản 30 Điều 5 dự thảo: Lựa chọn phương án 2 - Tại khoản 31 Điều 5 dự thảo: Lựa chọn phương án 2 - Tại khoản 32 Điều 5 dự thảo: Lựa chọn phương án 2	Các khoản 30, 31 và 32 Điều 5 lựa chọn phương án 1 (lý do lựa chọn đã được phân tích tại “STT 1” nêu trên).	
		12. Tại khoản 33 Điều 5 đề nghị không phân quyền cho chủ tịch UBND cấp xã.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. - <u>Lý do</u> giải trình giữ nguyên như nội dung đã giải trình bên trên (từ nội dung thứ 4 đến 10 của xã Tân Uyên).	
		13. Tại khoản 34 Điều 5 đề nghị không phân quyền cho chủ tịch UBND cấp xã.		
		14. Tại khoản 35 Điều 5 đề nghị không phân quyền cho chủ tịch UBND cấp xã.		
		15. Tại khoản 36 Điều 5 đề nghị giữ nguyên thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 219 Luật Đất đai, do tại Khoản 01, Điều 14, nghị định số 49 không quy định Phân cấp thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nội dung này.		
22	Xã Mường Tè	Nhất trí		Văn bản số 160/UBND-TH ngày 06/3/2026
23	Xã Bum Nưa	Nhất trí		Văn bản số 299/UBND-TH ngày 05/3/2026